TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN 4** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 316/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21/07/2022
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Võ Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy – Thư ký tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 21/07/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 30/03/2021 về việc *"Ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/06/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 394/2022/QĐST-DS ngày 05/07/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà N.N.P.P, sinh năm 1982. Thường trú đường B.T.Đ, xã P.V.C, huyện X, thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú đường T.Đ, phường Y, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông N.V.T, sinh năm 1983. Thường trú đường A, tổ Y, xã P.V.C, huyện X, thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú tại đường T.Đ, phường Y, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Bà N.N.P.P trình bày:

1.1 Tại đơn khởi kiện ngày 09/03/2021, bản tự khai ngày 19/04/2021, biên bản hòa giải ngày 19/04/2022, ngày 23/03/2022: Bà và ông N.V.T đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận số C, quyển số Z, ngày 30/06/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã P.V.C, huyện X, thành phố Hồ Chí Minh. Bà và ông N.V.T chung sống

với nhau nhưng không hạnh phúc, do không hợp tính cách, quan điểm và lối sống. Mặc dù, bà và ông N.V.T đã hết sức cố gắng để khắc phục những khiếm khuyết nhưng vẫn không đạt được hiệu quả. Nay bà xác định tình vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết: (i) Bà được ly hôn ông N.V.T. (ii) Bà và ông N.V.T có con N.G.K sinh ngày 01/01/2012 và N.G.P sinh ngày 01/012015, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con và không yêu cầu ông N.V.T cấp dưỡng nuôi con. (iii) Về tài sản có chung, nợ chung bà xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.2 Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/04/2022, ngày 23/03/2022 bà không bổ sung, cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, không yêu cầu tòa án thu thập thêm chứng cứ, triệu tập thêm những người tham gia tố tụng và bà vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

1.3 Ngày 07/07/2022, bà N.N.P.P có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

2. N.G.K sinh ngày 01/01/2012 trình bày tại bản tự khai ngày 19/04/2021 về nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn, N.G.K có nguyện vọng được ở với mẹ.

3. Ông N.V.T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

4. Văn bản trả lời xác minh về tình trạng hôn nhân giữa bà N.N.P.P và ông N.V.T của Ủy ban nhân dân phường Y, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh ngày 02/06/2022 có nội dung *"Bà N.N.P.P và ông N.V.T có tạm trú* T.Đ, phường Y, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh*. Vợ chồng bà Phụng, ông Thắng sống khép kín, ít xã giao với người dân xung quanh. Bà Phụng là giáo viên, ông Thắng thường ở nhà làm việc. Về mâu thuẫn giữa hai vợ chồng lâu chưa và có trầm trọng hay không, địa phương không nắm rõ, không có hòa giải tại cơ sở".*

5. Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. (i) Về tố tụng: Toà án vi phạm điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, các quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng theo các quy định của pháp luật. (ii) Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của bà N.N.P.P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

I. Về tố tụng

1. Ông N.V.T tạm trú tại đường T.Đ, phường Y, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ điều 28 khoản 1, điều 35, điều 39 khoản 1 điểm a Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông N.V.T đến Tòa án để viết bản khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, triệu tập ông N.V.T hai lần để tham gia phiên tòa

xét xử, nhưng ông N.V.T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, có nghĩa ông N.V.T đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N.V.T theo quy định tại điều 227 khoản 2 điểm b Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Bà N.N.P.P có đơn yêu cầu vắng maët tại phiên tòa xét xử, do đó Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà N.N.P.P theo quy định tại điều 228 khoản 1 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Về nội dung

1. Tại đơn khởi kiện ngày 09/03/2021, bản tự khai ngày 19/04/2021, biên bản hòa giải ngày 19/04/2022, ngày 23/03/2022 bà N.N.P.P vẫn giữ yêu cầu được ly hôn ông N.V.T. Ông N.V.T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại điều 207 khoản 1 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 *"Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt"*. Ly hôn là một trong những quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình được pháp luật bảo vệ theo quy định tại điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, yêu cầu của bà N.N.P.P ly hôn với ông N.V.T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. Xét yêu cầu của bà N.N.P.P được nuôi con N.G.K sinh ngày 01/01/2012 và N.G.P sinh ngày 01/01/2015 và không yêu cầu ông N.V.T cấp dưỡng nuôi con, hội đồng xét xử nhận thấy: Điều 81 khoản 2 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. (i) Đối với N.G.K sinh ngày 01/01/2012, tại bản tự khai ngày 19/04/2021 về nguyện vọng khi cha mẹ ly hôn thì N.G.K có nguyện vọng được ở với mẹ. (ii) Đối với N.G.P sinh ngày 01/01/2015 chưa đủ 07 tuổi. Từ những căn cứ trên, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N.N.P.P được nuôi hai con và ghi nhận việc bà không yêu cầu ông N.V.T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản có chung, nợ chung bà xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà N.N.P.P phải nộp.

Từ những nhận định trên, hội đồng xét xử căn cứ:

<u>*Một:*</u> Điều 103 khoản 2 Hiến Pháp năm 2013 quy định *"Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm"*.

<u>*Hai:*</u> Điều 12 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định *"Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân xét xử vụ án dân sự, Thẩm phán giải quyết việc dân sự độc lập*

và chỉ tuân theo pháp luật. Nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, việc giải quyết việc dân sự của Thẩm phán dưới bất kỳ hình thức nào".

Ba: Điều 9 Luật tổ chức tòa án nhân dân năm 2014 quy định *"Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm dưới bất kỳ hình thức nào. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có hành vi can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật".*

Bốn: Điều 3 Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán Việt Nam số 87/QĐ-HĐTC do Hội đồng tuyển chọn giám sát thẩm phán quốc gia ban hành ngày 04/07/2018 quy định *"Trong quá trình giải quyết vụ việc, Thẩm phán tự quyết định trên cơ sở đánh giá của mình về tình tiết vụ việc, chứng cứ và chỉ tuân theo pháp luật; giữ gìn bản lĩnh nghề nghiệp để không bị tác động từ bất kỳ sự can thiệp nào. Thẩm phán phải độc lập với các thành viên của hội đồng xét xử, độc lập với những người tiến hành tố tụng khác, độc lập với các yếu tố tác động từ bên trong nội bộ và bên ngoài tòa án".*

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điều 28 khoản 1, điều 35 khoản 1 điểm a, điều 39 khoản 1 điểm a, điều 207 khoản 1, điều 227 khoản 2 điểm b, điều 228 khoản 1 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51 khoản 1, điều 56, 58, điều 81 khoản 2, điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1.1 Bà N.N.P.P được ly hôn ông N.V.T *(Theo giấy chứng nhận kết hôn số* số C, quyển số Z, ngày 30/06/2012 *tại Uỷ ban nhân dân xã P.V.C, huyện X, thành phố Hồ Chí Minh).*

1.2 Bà N.N.P.P được nuôi con N.G.K sinh ngày 01/01/2012 và N.G.P sinh ngày 01/01/2015, ghi nhận việc bà N.N.P.P không yêu cầu ông N.V.T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm, chăm, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có căn cứ quy định tại điều 84 khoản 2 điểm b Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì trên cơ sở lợi ích của con, người thân thích có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1.3 Về tài sản có chung, nợ chung bà N.N.P.P xác nhận không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Áp dụng điều 147 khoản 4 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí toà án ngày 30/12/2016. Bà N.N.P.P phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0036290 ngày 22/03/2021 của chi cục thi hành án dân sự quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Áp dụng điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà N.N.P.P**,** ông N.V.T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án ND TPHCM
- VKSNDQ4
- THADSQ4
- UBND Xã P.V.C
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Hiền

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

I. Vào hồi 10 giờ ngày 21/07/2022, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

1. Ông Nguyễn Quang Hiền - Thẩm phán chủ tọa phiên toà

2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt - Hội thẩm nhân dân

3. Bà Võ Thị Nga - Hội thẩm nhân dân

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 30/03/2021 về việc *"Ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/06/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 394/2022/QĐST-DS ngày 05/07/2022.

II. Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết 3/3 thống nhất quyết định những vấn đề sau:

1. Áp dụng điều 28 khoản 1, điều 35 khoản 1 điểm a, điều 39 khoản 1 điểm a, điều 207 khoản 1, điều 227 khoản 2 điểm b, điều 228 khoản 1 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51 khoản 1, điều 56, 58, điều 81 khoản 2, điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1.1 Bà N.N.P.P được ly hôn ông N.V.T *(Theo giấy chứng nhận kết hôn số* số C, quyển số Z, ngày 30/06/2012 *tại Uỷ ban nhân dân xã P.V.C, huyện X, thành phố Hồ Chí Minh).*

1.2 Bà N.N.P.P được nuôi con N.G.K sinh ngày 01/01/2012 và N.G.P sinh ngày 01/01/2015, ghi nhận việc bà N.N.P.P không yêu cầu ông N.V.T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm, chăm, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có căn cứ quy định tại điều 84 khoản 2 điểm b Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì trên cơ sở lợi ích của con, người thân thích có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1.3 Về tài sản có chung, nợ chung bà N.N.P.P xác nhận không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Áp dụng điều 147 khoản 4 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí toà án ngày 30/12/2016. Bà N.N.P.P phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0036290 ngày 22/03/2021 của chi cục thi hành án dân sự quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Áp dụng điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà N.N.P.P**,** ông N.V.T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật. Kết quả biểu quyết 3/3.

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày, các thành viên trong hội đồng xét xử đã đọc lại biên bản và ký tên.